TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2024/DS-PT Ngày 01-02-2024	
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; buộc di dời tài sản trên đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, buộc di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2023/QĐ-PT, ngày 13 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-PT, ngày 02/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐ-PT, ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn L, cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1986, Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1989, cùng cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Giấy uỷ quyền ngày 30 tháng 8 năm 2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn B, cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1984 cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng uỷ quyền ngày 21 tháng 8 năm 2023); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Chu Thị M; vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn T; có mặt.

3. Ông Hoàng Văn T1; có mặt.

4. Ông Hoàng Văn C; vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị S; vắng mặt.

6. Bà Dương Thị L; vắng mặt.

7. Ông Hoàng Văn T2; có mặt.

8. Ông Hoàng Văn T3; vắng mặt.

9. Bà Đinh Thị H; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

10. Ủy ban nhân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lương Thị Ái V - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (Giấy ủy quyền số 1574/GUQ-UBND, ngày 26 tháng 6 năm 2023); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn L, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định được đất tranh chấp có diện tích 266,8m^2. Trong đó, có 58,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 192; có 208,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 193, tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, tại Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Giá trị quyền sử dụng đất theo giá Nhà nước là 35.000 đồng/m^2, giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là 300.000 đồng/m^2. Tài sản trên đất tranh chấp gồm có: 02 miếu gia đình xây tường bê tông đường kính 3,42m^2; 03 bụi tre (bụi 01 có 05 cây, bụi 02 có 05 cây, bụi 03 có 15 cây); 01 cây mít đường kính 65cm, 01 cây dã hương đường kính 73cm. Tổng giá trị tài sản có trên đất là 6.265.860 đồng.

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn L trình bày: Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích khoảng 198m^2 thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 04, Bản đồ địa chính đất nông nghiệp xã T, tại Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là thửa đất số 193). Buộc ông Hoàng Văn B chấm dứt hành vi tranh chấp đối với đất tranh chấp. Yêu cầu được sở hữu đối với 01 cây dã hương, 01 cây mít, 01 Miếu thổ công của gia đình ông Hoàng Văn L; 01 Miếu thổ công của ông Hoàng Văn C; 01 bụi tre dài khoảng 10m, rộng 02m. Yêu cầu ông Hoàng Văn B di dời 01 bụi tre diện tích 20m^2 do gia đình ông Hoàng Văn B trồng; 01 téc chứa nước dung tích khoảng 1500 lít; tháo rỡ 01 bể tự hoại diện tích khoảng 3m^2, ông Hoàng Văn B đã xây dựng ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, nguyên đơn ông Hoàng Văn L yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 208,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 193 có vị trí đỉnh thửa A-B-C-D-E-F-L-H-K được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023, ngày 10 tháng 7 năm 2023. Buộc gia đình ông Hoàng Văn B phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với đất tranh chấp. Yêu cầu được sở hữu 01 Miếu gia đình do gia đình nguyên đơn xây từ năm 2006, 10 cây tre ở vị trí Khóm tre 1 được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023. Buộc gia đình ông Hoàng Văn B phải di dời 15 cây tre ở vị trí Khóm tre 2 được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023.

Nguyên đơn rút các yêu cầu khởi kiện đối với: Diện tích 58,6m^2, có vị trí đỉnh thửa H-G-F-L được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023, thuộc một phần thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4, tại thôn N, xã T, huyện C; yêu cầu được sở hữu 01 cây mít, 01 cây dã hương, 01 Miếu gia đình do gia đình ông Hoàng Văn C xây; yêu cầu ông Hoàng Văn B di dời 01 téc chứa nước dung tích khoảng 1.500 lít; yêu cầu ông Hoàng Văn B tháo dỡ 01 bể tự hoại diện tích khoảng 3m^2.

Nguồn gốc đất tranh chấp nguyên đơn cho rằng: Do bố mẹ đẻ là ông Hoàng Văn H và bà Đinh Thị B để lại. Ông Hoàng Văn H, bà Đinh Thị B đã sinh sống ở đất tiếp giáp với ví trí đất tranh chấp từ năm 1961 hiện nay đang do gia đình ông Hoàng Văn C (em trai ruột của ông Hoàng Văn L) đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Việc ông Hoàng Văn H, bà Đinh Thị B để lại đất cho ông không lập thành văn bản, chỉ bằng lời nói, không biết là có người làm chứng hay không. Ông xây ngôi nhà bằng đất từ năm 1992, xây ngôi nhà bằng gạch từ năm 2006. Cây tre ở vị trí Khóm tre 1 là do ông Hoàng Văn H, bà Đinh Thị B trồng nhưng không rõ là trồng từ năm nào. Miếu thổ công do gia đình xây từ năm 2006. Cây tre ở vị trí Khóm 2 là do gia đình ông Hoàng Văn B quản lý, sử dụng. Ông Hoàng Văn H, bà Đinh Thị B đã sử dụng nhà vệ sinh ở vị trí Khóm tre 2, nhà vệ sinh này không sử dụng từ năm 2014. Hố phân gia đình đã đào từ năm 1990, năm 2009 xây bằng gạch. Vị trí đất làm nơi chứa rơm, gia đình hằng năm vẫn sử dụng, đến năm 2017 thì không làm nơi chứa rơm nữa. Cây mít, cây dã hương không biết ai trồng, là do mọc tự nhiên. Hằng năm, cây mít có quả thì gia đình vẫn thu hái. Không có ai làm chứng cho quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp cho gia đình. Gia đình nguyên đơn không đồng ý với các ý kiến của những người làm chứng: Ông Hoàng Tiến M, ông Hoàng Văn N, ông Hoàng Mạnh H, ông Hoàng Văn X, ông Hoàng Văn C1, ông Hoàng Văn C2, bà Hoàng Thị M.

Bị đơn ông Hoàng Văn B trình bày: Ông không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với những nội dung yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút, ông không có ý kiến gì. Đất tranh chấp do bố ông là ông Hoàng Văn T4 để lại cho ông. Việc để lại theo phong tục, tập quán của địa phương cha chết thì đến lượt con làm. Ngày 05-12-2013, thửa đất số 193 đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông và bà Hoàng Thị S. Ngoài ra, những người cao tuổi sống trong làng gồm ông Hoàng Tiến M, ông Hoàng Văn N, ông Hoàng Mạnh H, ông Hoàng Văn X, ông Hoàng Văn C1, ông Hoàng Văn C2, bà Hoàng Thị M đều xác định đất tranh chấp do gia đình ông quản lý, sử dụng. Việc gia đình ông Hoàng Văn L phơi rơm

trên đất tranh chấp là do gia đình ông Hoàng Văn L không có chỗ phơi rơm và vì tình làng, nghĩa xóm nên gia đình ông cho gia đình ông Hoàng Văn L phơi nhờ. Việc ông Hoàng Văn L xây Miếu thổ công trên đất tranh chấp không hỏi ý kiến của gia đình ông nhưng vì tình làng, nghĩa xóm, phong tục, tập quán của địa phương và cũng không ảnh hưởng mấy đến đất của gia đình nên gia đình ông vẫn cho gia đình ông Hoàng Văn L đặt nhờ. Cây tre ở vị trí Khóm tre 1 do ông Hoàng Văn T4 trồng từ năm 1957. Ngoài ra, gia đình ông Hoàng Văn L không có đất ở vị trí đất tranh chấp và đất ở gần vị trí đất tranh chấp. Năm 1961, ông Hoàng Văn H mới chuyển từ C ra sinh sống ở P. Khi ông Hoàng Văn H chuyển ra thì ông Hoàng Văn T4 mới cho ông Hoàng Văn H đất để làm nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm bà Chu Thị M, ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn T1, ông Hoàng Văn C đều nhất trí với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn gồm bà Hoàng Thị S, ông Hoàng Văn T2, ông Hoàng Văn T3, bà Dương Thị L, bà Đinh Thị H đều nhất trí với ý kiến trình bày của bị đơn và không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn do người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-12-2013 cho hộ ông Hoàng Văn B, bà Hoàng Thị S đối với thửa đất số 193 mục đích sử dụng đất là trồng cây lâu năm tại xã T, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Hoàng Thị M trình bày: Bố của ông Hoàng Văn B đã sinh sống ở khu đất tranh chấp từ lâu, không nhớ chính xác từ năm nào. Bố của ông Hoàng Văn L không có đất ở khu vực đất tranh chấp. Bố của ông Hoàng Văn B đổi đất với ông Hoàng Văn C1 để bố ông Hoàng Văn L làm nhà nhưng không nhớ chính xác thời gian. Sau khi đổi đất thì bố của ông Hoàng Văn L mới chuyển từ C ra sinh sống tại P. Cây tre, cây mít, cây dã hương do gia đình ông Hoàng Văn B quản lý, hái quả, lấy măng.

Người làm chứng ông Hoàng Mạnh H trình bày: Khi ông khoảng 13 tuổi đến 14 tuổi, ông có đi chăn trâu ở gần khu vực đất tranh chấp. Khi đó khu đất tranh chấp chưa có nhà nhưng đã làm thành vườn, có người quản lý, sử dụng. Khoảng trước năm 1960, bố của ông Hoàng Văn B là ông Hoàng Văn T4 đã ra làm nhà ở gần khu vực đất tranh chấp. Trước năm 1960, ông Hoàng Văn T4 có đổi đất với ông Hoàng Văn C1. Khoảng năm 1961, bố của ông Hoàng Văn L là ông Hoàng Văn H chuyển từ C ra P sinh sống và làm nhà trên đất của ông Hoàng Văn T4. Đất tranh chấp do gia đình ông Hoàng Văn B quản lý, sử dụng. Cây mít, cây dã hương, cây tre đã có từ lâu, hằng năm nhà ông Hoàng Văn B là người hái quả, lấy măng.

Người làm chứng ông Hoàng Văn X trình bày: Từ khi ông khoảng 12 tuổi đến 13 tuổi, ông đi chăn trâu thấy gia đình ông Hoàng Văn B đang quản lý, sử dụng khu đất tranh chấp, cây mít, cây dã hương, cây tre. Hằng năm gia đình ông

Hoàng Văn B vẫn hái măng, lấy quả mít và sử dụng đất tranh chấp.

Người làm chứng ông Hoàng Văn C1 trình bày: Ông có nghe bố của ông là ông Hoàng Văn H (đã chết năm 1966) kể lại bố ông và ông Hoàng Văn T4 có đổi đất cho nhau. Nhà ông Hoàng Văn L không có đất ở P, mà sinh sống ở C. Khi nhà ông Hoàng Văn H bị cháy thì ông Hoàng Văn H mới chuyển ra sinh sống ở P và làm nhà trên đất của nhà ông Hoàng Văn T4. Từ khi lớn lên cho đến nay, ông thấy gia đình ông Hoàng Văn B là người quản lý cây mít, cây dã hương, cây tre và sử dụng đất tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 14-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn L, cụ thể:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 208,2m^2 (hai trăm linh tám phẩy hai mét vuông), có vị trí đỉnh thửa A-B-C-D-E-F-L-H-K được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023 do Công ty cổ phần tư vấn Tài Nguyên số 01 Lạng Sơn thực hiện, thuộc một phần thửa đất số 193, diện tích 298,5m^2, tờ bản đồ số 4, Bản đồ địa chính xã T, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tại Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-12-2013, số phát hành BR 861330, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02040 cấp cho hộ ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị S, có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Tây Bắc giáp với đất ông Hoàng Văn B.

Phía Đông Bắc giáp với đất ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn T5.

Phía Đông Nam giáp đường đất.

Phía Tây Nam giáp với đất ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn C.

Được giới hạn bởi các điểm có kích thước cạnh cụ thể như sau:

Các điểm A-B, có chiều dài 7,74m; B-C, có chiều dài 2,33m; C-D, có chiều dài 11,04m; D-E, có chiều dài 3,93m; E-F, có chiều dài 3,77m; F-L, có chiều dài 12,02m; L-H, có chiều dài 8,75m; H-K, có chiều dài 7,69m; K-A, có chiều dài 15,45m.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu được sở hữu 01 (một) Miếu gia đình xây tường bê tông đường kính 3,42m^2 do gia đình ông Hoàng Văn L xây từ năm 2006. Buộc ông Hoàng Văn L phải di dời 01 (một) Miếu gia đình xây tường bê tông đường kính 3,42m^2 do gia đình ông Hoàng Văn L xây từ năm 2006 ra khỏi phạm vi đất đã nêu ở mục 1.1 và phải chịu toàn bộ chi phí di dời (nếu có).

1.3. Không chấp nhận yêu cầu được sở hữu 10 (mười) cây tre ở vị trí Khóm tre 1 được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu buộc gia đình ông Hoàng Văn B phải di dời 15 (mười lăm) cây tre ở vị trí Khóm tre 2 được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023.

1.5. Buộc ông Hoàng Văn L, bà Chu Thị M, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T1 và chị Chu Thị H chấm dứt hành vi tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã nêu ở các mục 1.1.,1.2., 1.3. và mục 1.4.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Hoàng Văn L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là và chi phí định giá tài sản với tổng số tiền là 13.132.000 đồng. Xác nhận ông Hoàng Văn L đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.132.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với những yêu cầu khởi kiện sau:

3.1. Đất có diện tích 58,6m^2, có vị trí đỉnh thửa H-G-F-L được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023 do Công ty cổ phần tư vấn Tài Nguyên số 01 Lạng Sơn thực hiện, thuộc một phần thửa đất số 192, diện tích 335m^2, tờ bản đồ số 4, Bản đồ địa chính tại Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 31-12-2013 cho hộ ông Hoàng Văn L và bà Chu Thị M.

3.2. Yêu cầu được sở hữu 01 (một) cây mít đường kính 65cm, 01 (một) cây dã hương đường kính 73cm, 01 (một) Miếu gia đình xây tường bê tông đường kính 3,42m^2 do ông Hoàng Văn C xây có trên đất nêu ở mục 3.1.

3.3. Yêu cầu ông Hoàng Văn B di dời 01 (một) téc chứa nước dung tích khoảng 1.500 lít; yêu cầu ông Hoàng Văn B tháo dỡ 01 (một) bể tự hoại diện tích khoảng 3m^2 tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số 4, Bản đồ địa chính xã T, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền khởi kiện lại và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định nguyên đơn ông Hoàng Văn L kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST, ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; yêu cầu:

Được quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 208,2 m^2; tiếp tục được sử hữu 01 miếu gia đình xây tường bê tông, diện tích 3,42 m^2 do gia đình xây năm 2006; tiếp tục được quản lý 10 cây tre ở vị trí khóm tre số 1; tiếp tục được quản lý sở hữu hố phân chuồng tại vị trí nhà đựng phân chuồng…; yêu cầu ông Hoàng Văn B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Đối với 03 phần quyết định của bản án đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện không kháng cáo.

Ngày 15-11-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Kiến nghị số: 100/KN-VKS-DS Kiến nghị khắc phục vi phạm pháp luật trong việc giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm trong đó có Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 14-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn về việc nguyên đơn ông Hoàng Văn L khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ

quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 193; yêu cầu ông Hoàng Văn B di dời 01 bụi tre, tháo dỡ bể tự hoại ra khỏi diện đất tranh chấp, nhưng Tòa án không thụ lý quan hệ pháp luật "Yêu cầu di dời tài sản trên đất" là chưa đầy đủ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Hoàng Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo và không có kháng cáo bổ sung: do không hiểu biết pháp luật nên trong đơn kháng cáo đã yêu cầu hủy Bán án sơ thẩm, nhưng mục đích chỉ yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể yêu cầu được quản lý đất tranh chấp 208,2 m^2, 01 miếu gia đình đã xây từ năm 2006, sở hữu 10 cây tre, tiếp tục được quản lý hố phân, buộc ông Hoàng Văn B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; phần cấp sơ thẩm đã đình chỉ không kháng cáo.

Anh Hoàng Văn T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông Hoàng Văn L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm đã đình chỉ và sau khi xét xử sơ thẩm ông Hoàng Văn L không kháng cáo phần đã đình chỉ nên đã có hiệu lực pháp luật.

Việc kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu giải quyết đất tranh chấp 208,2m^2; về nguồn gốc đất cả hai bên đều cho rằng đất tranh chấp đều do ông bà khai phá để lại nhưng không tài liệu để chứng minh. Tài liệu quản lý Nhà nước về đất đai thể hiện, thửa 193 trước khi được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hoàng Văn B, bà Hoàng Thị S không có tài liệu nào liên quan đến thửa đất 193 nên không có cơ sở xác định trước khi hộ ông Hoàng Văn B được cấp GCNQSDĐ năm 2013 đất tranh chấp có nguồn gốc của ai trên các tài liệu quản lý Nhà nước. Theo tài liệu của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cao Lộc khi giải quyết tranh chấp giữa các bên thì gia đình ông Hoàng Văn B có quá trình quản lý, sử dụng phù hợp với lời khai của những người làm chứng là những người cao tuổi sinh sống gần khu đất tranh chấp. Tại biên bản hòa giải ở xã thì ông Hoàng Văn L thừa nhận một số tài sản trên đất là của bị đơn. Nguyên đơn đi kê khai để cấp GCNQSDĐ (đất ở) thì các cạnh tiếp giáp phù hợp với hiện trạng thực tế và bản thân ông Hoàng Văn L không kê khai thửa đất đang tranh chấp và khi cơ quan Nhà nước tiến hành thủ tục niêm yết thì bản thân ông Hoàng Văn L cũng không có khiếu nại. Như vậy có

căn cứ xác định đất tranh chấp của gia đình bị đơn quản lý, sử dụng, đã được Nhà nước xác lập quyền của người sử dụng đất, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên bản án còn một số thiếu sót như tuyên vượt quá yêu cầu khởi kiện, xác định thiếu quan hệ tranh chấp, việc tuyên buộc chấm dứt hành vi tranh chấp còn nêu chung chung trong đó có cả cơ quan quản lý hành chính là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nhưng cần sửa Bản án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên. Về án phí phúc thẩm: ông Hoàng Văn L được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12 năm 2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ ba, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đã có đại diện theo ủy quyền, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp, yêu cầu được sở hữu tài sản và yêu cầu di dời tài sản trên đất tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm không đưa yêu cầu di dời tài sản vào quan hệ tranh chấp là thiếu sót, tuy nhiên không ảnh hưởng đến quyết định của bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm cần bổ sung thêm nội dung phần trích yếu.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn L yêu cầu: Sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, yêu cầu được quản lý đất tranh chấp 208,2 m^2, 01 miếu gia đình đã xây từ năm 2006, sở hữu 10 cây tre, tiếp tục được quản lý hố phân, buộc ông Hoàng Văn B phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; phần cấp sơ thẩm đã đình chỉ không kháng cáo, thấy rằng:

[4] Về nguồn gốc đất, cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng đất do cha ông để lại và có quá trình quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp do bố, mẹ ông là ông Hoàng Văn H và bà Đinh Thị B (đều đã chết) khai phá từ năm 1961. Trước đó, ông Hoàng Văn H và bà Đinh Thị B sinh sống tại khu C, đến năm 1961 thì chuyển ra khu P sinh sống. Khu C cách khu P khoảng 1.200m và đều thuộc Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khi khai phá, đất tranh chấp có nhiều cây dại, bố, mẹ ông đã chặt cây dại, làm nhà, tiến hành canh tác. Các cây mít, cây dã hương mọc tự nhiên đã lớn nên không chặt. Năm 1992, xây nhà trình tường. Bố, mẹ ông có trồng một hàng tre để làm hàng rào, ngăn đất, chống sạt lở đất và chống gió cho đàn gia súc. Để ngăn cách với đất nhà bị đơn, gia đình ông có đào một hố rộng khoảng 20m^2. Khoảng tháng 9 năm 2021, trong lúc các con của ông đi làm ăn xa thì bị đơn cho

máy xúc đến lấp hố. Do sức khoẻ yếu nên ông chỉ ra ngăn cản mà không báo chính quyền địa phương. Lời khai của nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và không có người nào đứng ra làm chứng xác nhận.

[5] Bị đơn cho rằng, đất tranh chấp do bố bị đơn là ông Hoàng Văn T4 để lại. Việc để lại đất là theo phong tục, tập quán của địa phương, cha chết thì con làm. Bị đơn trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1977. Quá trình quản lý, sử dụng có trồng cây thuốc lá, gừng, đỗ xanh … Do địa hình đồi cao, hay có gió nên bố, mẹ ông đã trồng cây tre để chắn gió. Cây mít, cây dã hương do ông cha đã trồng từ xa xưa. Cây tre, cây mít, cây dã hương đều do gia đình ông quản lý, thu hái quả mít, lấy măng mà không có ai ngăn cản hay tranh chấp. Ông Hoàng Văn L không có đất ở khu P.

[6] Lời khai của những người làm chứng đều xác nhận đất tranh chấp do gia đình bị đơn quản lý, sử dụng. Gia đình bị đơn là người quản lý cây tre, cây mít, cây dã hương. Hằng năm gia đình bị đơn là người lấy măng, hái quả mít. Do đó, lời khai của bị đơn là có cơ sở.

[7] Ngoài ra, Sổ địa chính và Sổ mục kê đất đai của xã T, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đều thể hiện người sử dụng đất đối với thửa đất số 193 là hộ ông Hoàng Văn B. Ngày 20-6-2013, bị đơn có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, trong đó có thửa đất số 193. Ngày 05-12-2013, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 193 cho hộ ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị S. Do vậy, có cơ sở xác định đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bị đơn. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp là do bố mẹ ông khai phá là không có căn cứ, vì bản thân bố mẹ ông mới chuyển từ khu C ra sinh sống và được ông Hoàng Văn T4 cho đất để làm nhà, các cây mít, dã hương, 02 bụi tre ông đều thừa nhận không phải do ông trồng; hơn nữa năm 2001 khi làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư (BL152) ông chỉ yêu cầu cấp 200 m^2, hình thể thửa đất giống thửa đất trong GCNQSDĐ (thổ cư) của ông Hoàng Văn L được cấp năm 2013 (BL106). Còn thửa đất đang tranh chấp là đất trồng cây hàng năm thuộc thửa 193. Năm 2013, ông không có đơn yêu cầu được cấp GCNQSDĐ, mà việc làm đơn là do ông Hoàng Văn B làm đơn và đã được cấp GCNQSDĐ. Trong quá trình Ủy ban nhân dân tiến hành cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân đã tiến hành niêm yết theo quy định, gia đình nguyên đơn không có khiếu nại hay thắc mắc gì. Việc ông cho rằng trên đất có các tài sản của gia đình nhưng các tài sản này chỉ đặt lác đác trong thửa đất tranh chấp và chỉ là sử dụng nhờ.

[5] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn L đối với yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp là có căn cứ.

[6] Do yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp không được chấp nhận. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu được sở hữu 10 (mười) cây tre và yêu cầu gia đình ông Hoàng Văn B di dời 15 (mười lăm) cây tre ra khỏi đất tranh chấp. Ngoài ra, đối với 01 Miếu thổ công gia đình nguyên đơn đã xây từ năm 2006, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không

cần buộc phía nguyên đơn phải di dời ra khỏi phạm vi đất tranh chấp như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[7] Đối với những yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết theo quy định của khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, mặt khác tại phần kháng cáo bổ sung ngày 29/9/2023, nguyên đơn không kháng cáo phần quyết định đã đình chỉ của Bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định lại không kháng cáo phần đã đình chỉ của Bản án sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 13.132.000 đồng. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng như cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn phải chịu tiền án phí và miễn án phí cho nguyên đơn là đúng pháp luật.

[10] Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đã đưa ra. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật.

[11] Xét thấy, cấp sơ thẩm có vi phạm sau:

[12] Thứ nhất: Tại mục 1.5 quyết định của Bản án sơ thẩm xác định: Buộc các đương sự chấm dứt hành vi tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã nêu ở các mục 1.1, 1.2, 1.3 và mục 1.4 là không chính xác bởi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cả UBND huyện và không đảm bảo cho việc thi hành án.

[13] Thứ hai: Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn L, bị đơn ông Hoàng Văn B không có yêu cầu phản tố nhưng tại phần nhận định [7] và mục 1.2 phần quyết định bản án sơ thẩm lại tuyên buộc nguyên đơn phải di dời miếu thổ công đi nơi khác là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[14] Do vậy, cần sửa Bản án sơ thẩm đối với vi phạm nêu trên. Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[15] Đối với các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[16] Xét đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn L; sửa một

phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 14-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 4, Điều 5, Điều 26, Điều 97, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 169, 175, Điều 218, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn L, cụ thể:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp có diện tích 208,2m^2 (hai trăm linh tám phẩy hai mét vuông), có vị trí đỉnh thửa A-B-C-D-E-F-L-H-K được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023 do Công ty cổ phần tư vấn Tài nguyên số 01 Lạng Sơn thực hiện, thuộc một phần thửa đất số 193, diện tích 298,5m^2, tờ bản đồ số 4, Bản đồ địa chính xã T, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tại Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-12-2013, số phát hành BR 861330, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02040 cấp cho hộ ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị S, có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Tây Bắc giáp với đất ông Hoàng Văn B.

Phía Đông Bắc giáp với đất ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn T5.

Phía Đông Nam giáp đường đất.

Phía Tây Nam giáp với đất ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn C.

Được giới hạn bởi các điểm có kích thước cạnh cụ thể như sau:

Các điểm A-B, có chiều dài 7,74m; B-C, có chiều dài 2,33m; C-D, có chiều dài 11,04m; D-E, có chiều dài 3,93m; E-F, có chiều dài 3,77m; F-L, có chiều dài 12,02m; L-H, có chiều dài 8,75m; H-K, có chiều dài 7,69m; K-A, có chiều dài 15,45m.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu được sở hữu 01 (một) Miếu gia đình xây tường bê tông diện tích 3,42m^2 do gia đình ông Hoàng Văn L xây từ năm 2006.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu được sở hữu 10 (mười) cây tre ở vị trí Khóm tre 1 được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu buộc gia đình ông Hoàng Văn B phải di dời 15 (mười lăm) cây tre ở vị trí Khóm tre 2 được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 72-2023.

1.5. Buộc ông Hoàng Văn L, bà Chu Thị M, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng

Văn T1 và chị Chu Thị H chấm dứt hành vi tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã nêu ở các mục 1.1.,1.2., 1.3. và mục 1.4.

Có Mảnh trích đo địa chính số 72-2023, ngày 10 tháng 7 năm 2023 do Công ty cổ phần tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn thực hiện đính kèm theo Bản án.

2. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng

Nguyên đơn ông Hoàng Văn L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với tổng số tiền là 13.132.000 đồng (mười ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng). Xác nhận ông Hoàng Văn L đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 13.132.000 đồng (mười ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

3. Về án phí

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn L được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vi Đức Trí